

Yêu cầu chào giá và thông số kỹ thuật của
vật tư hóa chất dùng cho khoa Hóa sinh.

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 6 năm 2024

**Kính gửi: Các nhà cung cấp vật tư, hóa chất trong phòng phân tích
hóa lý tại Việt Nam**

Khoa Hóa sinh thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận thông tin về thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, đơn giá của một số vật tư, hóa chất nhằm mục đích xây dựng kế hoạch mua sắm và dự trù kinh phí thực hiện cho năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Khoa Hóa sinh thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, Địa chỉ: Phố Hải Phúc, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ths Vũ Quang Thắng – Phó trưởng khoa Khoa Hóa sinh, số điện thoại: 0905.121.688, email: thangvu1387@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Báo giá gửi bản scan (theo mẫu và nội dung tại phụ lục II) về địa chỉ email: khoahoasinhksbtqn@gmail.com, đồng thời văn bản giấy được ký, đóng dấu hợp pháp gửi qua đường công văn về địa chỉ tiếp nhận: Khoa Hóa sinh – Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 17 tháng 6 năm 2024 đến trước 08h00 ngày 27 tháng 6 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày phát hành báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

Kính mời Các nhà cung cấp quan tâm, có năng lực cung cấp dịch vụ với nội dung chi tiết tại phụ lục I của công văn này.

Khoa Hóa sinh thuộc Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ninh rất mong nhận được phản hồi thông tin từ quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

TRƯỞNG KHOA

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc (để báo cáo)
- TCHC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Hóa sinh.

Hoàng Thị Phụng

PHỤ LỤC II

Danh mục trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyên môn

(Kèm theo công văn ngày 17/6/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Chất chuẩn nhóm hợp chất hữu cơ acetonitrile. Bộ chuẩn gồm 03 thành phần nồng độ 100 µg/mL cho mỗi thành phần bao gồm: Dibromoacetonitrile; Dichloroacetonitrile; Trichloroacetonitrile trong Methanol	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 100 µg/mL cho mỗi thành phần	1mL/lọ	Lọ	01	
2	Chất chuẩn nhóm hợp chất hữu cơ acid acetic. Bộ chuẩn gồm 03 thành phần nồng độ 100 µg/mL cho mỗi thành phần bao gồm: Monochloroacetic acid; Dichloroacetic Acid; Trichloroacetic acid trong Methanol.	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ: 100 µg/mL cho mỗi thành phần	1mL/lọ	Lọ	01	
3	Chất chuẩn TBVTV. Bộ chuẩn gồm 09 thành phần nồng độ 100 µg/mL cho mỗi thành phần bao gồm: Alachlor; Atrazine; Simazine; Molinate, Trifluralin; Pendimethalin; Chlortoluron; Cyanazine; Isoproturon trong Methanol	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ: 100 µg/mL cho mỗi thành phần	1mL/lọ	Lọ	01	
4	Chất chuẩn TBVTV. Bộ chuẩn gồm 14 thành phần nồng độ: 10 µg/mL mỗi thành phần bao gồm: alpha-HCH; Hexachlorobenzene; beta-HCH; gamma-HCH; Heptachlor; Aldrin; trans-Heptachlor-endo-epoxide (isomer A), alpha-Endosulfan; 4,4'-DDE; Dieldrin; Endrin; beta-	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ: 10 µg/mL cho mỗi thành phần	1mL/lọ	Lọ	01	

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Endosulfan; 4,4'-DDD; 2,4'-DDT; 4,4'-DDT, Methoxychlor trong Cyclohexane					
5	Nội chuẩn 1,1-Dichloro-2,2-bis (4-chlorophenyl-d4)ethane	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	0,01g/Lọ	Lọ	01	
6	Chất chuẩn Phenol và các dẫn xuất của phenol. Bộ chuẩn gồm các thành phần nồng độ 100 µg/ml cho mỗi thành phần bao gồm: 4-Chloro-3-methylphenol; 2-Chlorophenol; 2,4-Dichlorophenol; 2,4-Dimethylphenol; 2,4-Dinitrophenol; 2-Methyl-4,6-dinitrophenol; 2-Nitrophenol; 4-Nitrophenol; Pentachlorophenol; Phenol; 2,4,6-Trichlorophenol trong Acetonitrile	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 100 µg/ml cho mỗi thành phần	1mL/lọ	Lọ	01	
7	Chất chuẩn VOCs. Bộ chuẩn 154 thành phần mỗi thành phần nồng độ 2000 µg/mL bao gồm: Dichlorodifluoromethane; Chloromethane; Vinyl Chloride; Bromomethane; Chloroethane; Trichlorofluoromethane; 1,1-dichloroethylene; Carbon Disulfide; Methylene Chloride; Methyl T-butyl Ether; Trans-1,2-dichloroethylene; 1,1-dichloroethane; Cis-1,2-dichloroethylene; 2,2-dichloropropane; Bromochloromethane; Chloroform; 1,1,1-trichloroethane; 1,1-dichloropropylene; Carbon Tetrachloride; Benzene; 1,2-dichloroethane; Trichloroethylene; 1,2-dichloropropane; Dibromomethane; Bromodichloromethane; Cis-1,3-dichloropropylene; Toluene; Trans-1,3-	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 2000 µg/mL cho mỗi thành phần	1mL/lọ	Lọ	01	

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	dichloropropylene; 1,1,2-trichloroethane; Tetrachloroethylene; 1,3-dichloropropane; Dibromochloromethane; 1,2-dibromoethane; Chlorobenzene; Ethylbenzene; 1,1,1,2-tetrachloroethane; M-xylene; P-xylene; O-xylene; Styrene; Bromoform; Isopropylbenzene; 1,1,2,2-tetrachloroethane; 1,2,3-trichloropropane; Bromobenzene; N-propylbenzene; 2-chlorotoluene; 1,3,5-trimethylbenzene; 4-chlorotoluene; Tert-butylbenzene; 1,2,4-trimethylbenzene; Sec-butylbenzene; 4-isopropyltoluene; 1,3-dichlorobenzene; 1,4-dichlorobenzene; N-butylbenzene; 1,2-dichlorobenzene; 1,2-dibromo-3-chloropropane; 1,2,4-trichlorobenzene; Hexachlorobutadiene; Naphthalene; 1,2,3-trichlorobenzene trong Methanol					
8	Nội chuẩn đồng hành cho phân tích các chỉ tiêu VOC Surrogate standards – toluene-d8, 4-bromofluorobenzene (BFB), and 1,2-dichloroethane-d4	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	1mL/lọ	Lọ	01	
9	Nội chuẩn chạy máy cho phân tích các chỉ tiêu VOC Internal standards (IS) – The recommended ISs are fluorobenzene, chlorobenzene-d5, and 1,4-dichlorobenzene-d4	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	1mL/lọ	Lọ	01	

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
10	Chất chuẩn TBVTV nhóm Cúc tổng hợp. Bộ chuẩn gồm các thành phần nồng độ: 10 µg/mL cho mỗi thành phần bao gồm: Cyfluthrin; Cypermethrin; Deltamethrin; Fenvalerate; Permethrin; Phenothrin; Tetramethrin trong Cyclohexane	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ: 10 µg/mL cho mỗi thành phần	10mL/lọ	Lọ	01	
11	Chất chuẩn TBVTV. Bộ chuẩn hỗn hợp 06 chất nồng độ mỗi chất: 100µg/mL bao gồm: 2,4D; MCPA; Dichlorprop; Mecoprop; 2,4-DB; Fenoprop	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ: 100µg/mL cho mỗi chất	10mL/lọ	Lọ	01	
12	Dung dịch chuẩn Bromate(BrO ₃ ⁻) 1000µg/L	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ: 1000µg/L	100mL/lọ	Lọ	01	
13	Dung dịch chuẩn Acrylamide 100µg/mL	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ: 100µg/mL	1mL/Lọ	Lọ	1	
14	Dung dịch chuẩn Epichlorhydrin 100µg/mL	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ: 100µg/mL	1mL/Lọ	Lọ	1	
15	Dung dịch chuẩn Propanil 100µg/mL	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ: 100µg/mL	1mL/Lọ	Lọ	1	
16	Dung dịch chuẩn Formaldehyde 100µg/mL	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 100µg/mL	1mL/Lọ	Lọ	1	

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
17	Dung dịch chuẩn Clodane 100µg/mL	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 100µg/mL	1mL/Lọ	Lọ	1	
18	Dung dịch chuẩn Hydroxyatrazinre 100µg/mL	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 100µg/mL	1mL/Lọ	Lọ	1	
19	Dung dịch chuẩn Fluoride 1000mg/L	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ 1000mg/L	500ml/Lọ	Lọ	1	
20	Dung dịch chuẩn hỗn hợp 02 chất: nồng độ 100µg/mL mỗi chất bao gồm Carbofuran, Aldicarb.	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ: 100µg/mL mỗi chất	1mL/Lọ	Lọ	1	
21	Ống chuẩn Oxalic 1N	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	1Ống/hộp	Ống	1	
22	Ống chuẩn AgNO3 0,1N	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	1Ống/hộp	Ống	1	
23	Ống chuẩn Trilon B 0,1N	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương	1Ống/hộp	Ống	1	
24	Nội chuẩn Indium 1000 µg/mL	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ: 1000 µg/mL	100ml/Lọ	Lọ	1	
25	Chuẩn vàng (Au) 1000 µg/mL	Độ tinh khiết PA tiêu chuẩn Eu hoặc tương đương Nồng độ: 1000 µg/mL	100ml/Lọ	Lọ	1	
26	iCAP Q/Qnova quat torch	Torches for iCAP™ Q/Qnova Series ICP-MS Systems	1chiếc/hộp	Chiếc	1	

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		Chất liệu: Torches bằng thạch anh Để sử dụng với Hệ thống ICP-MS dòng iCAP Q/Qnova, Vật tư thay thế ICPMS				
27	Dầu chân không Pump oil PFPE	Dầu tổng hợp (PTPE polyether perfluorinated không chứa chất phụ gia) phù hợp cho bơm chân không ICPMS	Lít/chai	Lít	1	
28	Injector 2.5 mm ID Quartz	Đầu phun thạch anh iCAP Q, loại 2,5 mm. Vật tư thay thế phù hợp cho ICPMS - model: iCAP RQ của hãng Thermo scientific	1chiếc/hộp	Chiếc	1	
29	Ni skimmer cone - Insert version	Nón Skimmer Niken (Ma trận cao) tương thích với Thermo iCAP Q/RQ ICP-MS Chất liệu: Niken Loại: Skimmer Để sử dụng với: Thiết bị Thermo iCAP Q/RQ ICP-MS	1chiếc/hộp	Chiếc	1	
30	Ni sample cone	Chất liệu: Niken, lõi đồng Kiểu: Bộ lấy mẫu Để sử dụng với: Dành cho các thiết bị Thermo/VG, X-Series/iCAP Q ICP-MS	1chiếc/hộp	Chiếc	1	

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
31	Mini Torch dùng cho ICP-OES	Ngon đuốc thạch anh nhỏ dùng phù hợp cho ICP – Model: ICPE 9000 của hãng Shimadzu	1chiếc/hộp	Chiếc	1	
32	Vial và nắp vụn cho sắc ký ký lỏng	Đường kính miệng: ≥ 9 mm. Nắp vụn. Có chia vạch. Màu sắc trong hoặc nâu. Dung tích 2mL. Kích thước – 11.6x32mm	100 cái/hộp	hộp	2	
33	Vial và nắp vụn cho sắc ký khí	Đường kính miệng: ≥ 9 mm. Nắp vụn. Có chia vạch. Màu sắc trong hoặc nâu. Dung tích 2mL. Kích thước – 11.6x32mm Nắp: Nhựa màu xanh vụn	100 cái/hộp	hộp	2	
34	Kim tiêm sắc ký khí GC 10 μ L	Khối lượng: 10 μ L Chiều dài kim: 57 mm Kiểu mũi kim: hình nón Để sử dụng với Bộ lấy mẫu tự động TriPlus RSH	1 cái/hộp	Hộp	1	
35	Cột sắc ký khí 5MS	Length 30m – I.D 0.25mm – Film 0.25 μ m	1 cái/hộp	Hộp	1	
36	Đệm cho cột tách đầu ghép nối vào cổng tiêm	Phù hợp với mã hàng P/N 290GA139 Để sử dụng với cổng Injector Kích thước lỗ 0.1 - 0.32 mm	10cái/hộp	Hộp	1	

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
37	Đệm cho cột tách đầu ghép nối vào đầu dò khối phổ	Phù hợp với mã hàng: P/N 29033496 Để sử dụng với cổng MS Đường kính: 0,1 đến 0,25 mm Vật liệu: 15% than chì, 85% vespel Kiểu: vòng sắt	10cái/hộp	Hộp	1	
38	Buồng thạch anh cho cổng bơm mẫu loại không chia dòng	Phù hợp với mã hàng P/N 453A1925 Để sử dụng với: Loại không chia dòng dòng (Splitless Liner with Single Taper). Đường kính bên trong: 4mm Đường kính bên ngoài: 6,3 mm Chiều dài: 78,5 mm Vật liệu đóng gói: Len thạch anh Chất liệu lót: Thủy tinh Borosilicate khử hoạt tính cao	5cái/Hộp	Hộp	1	
39	Buồng thạch anh cho cổng bơm mẫu 'Split Inlet Liner	Phù hợp với mã hàng P/N 453A2265 Để sử dụng: Loại chia dòng (Chia thẳng lót) sử dụng với cổng tiêm GC Đường kính bên trong: 4mm Đường kính bên ngoài: 6,3	5cái/Hộp	Hộp	1	

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		mm Chiều dài: 78,5 mm Vật liệu đóng gói: Len thạch anh Chất liệu lót: Thủy tinh Borosilicate khử hoạt tính cao				
40	Micropipet 100-1000 µL	Thể tích 100-1000 µL	1 cái/hộp	Cái	2	
41	Micropipet 1000-5000 µL	Thể tích 1000-5000 µL	1 cái/hộp	Cái	2	
42	Micropipet 10-100 µL	Thể tích 10-100 µL	1 cái/hộp	Cái	2	
43	Micropipet 20-200 µL	Thể tích 10-200 µL	1 cái/hộp	Cái	2	
44	Micropipet 1000-10000 µL	Thể tích 1000-10000 µL	1 cái/hộp	Cái	2	
45	Cột sắc ký DB-624	Length 20m – I.D 0.18mm – Film 1.0µm	1 Cái/hộp	Hộp	1	
46	Vial headspace 20mL	Lọ trong suốt có nắp vặn Headspace 20mL Loại lọ: Lọ vít Thể tích: 20mL Kích thước lọ: 75,5 x 22,5mm Chất liệu lọ: Thủy tinh loại 1 Kiểu đế: Đáy tròn	125cái/hộp	Hộp	2	
47	Nắp vặn từ tính 18mm và có settum silicon (Dùng cho lọ 20mL headspace)	Loại nắp vặn từ tính 18mm. Chất liệu thép hợp kim. Nắp vặn phù hợp với lọ mẫu 20ml Vách septa PTFE/silicon.	125cái/hộp	Hộp	2	

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
48	Găng tay không bột tan	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017, ISO 9001:2015	50 đôi/hộp	Hộp	15	
49	Khẩu trang than hoạt tính	Thành phần của khẩu trang than gồm: Vải không dệt, vải lọc, vải than hoạt tính, vải không dệt, dây đeo, gọng nhựa. Khẩu trang được sử dụng để ngăn ngừa và lọc bụi, lọc khí, lọc mùi,... Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2017, ISO 9001:2015.	50 chiếc/hộp	Hộp	10	
50	Viên môi BOD	Bổ sung vi khuẩn trong quá trình nuôi cấy	50 viên/hộp	Hộp	1	
51	Màng bọc điện cực	Loại Stirr0x choa máy đo oxy hoà tan model Ionlab oxi 7310/hãng WTW, Đức	4 cái/hộp	Hộp	3	
52	Bình ủ BOD	Loại Karlsruhe, dung tích 100-300ml, có nắp		Chiếc	50	
53	Vial + nắp vial cho sắc kí ion	Cỡ 5ml, phù hợp cho máy sắc ký ion ICS 5000+ hãng Thermo Scientific Dionex-Mỹ	250 cái/hộp	Túi	1	
54	Đầu lọc	Đầu lọc có lỗ lọc: 0.22um. Đường khí phin lọc: ø13mm. Chất liệu: Nylon	50 cái/hộp	Hộp	10	

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
55	Khí Heli	Độ tinh khiết 99,999%, Bình 150 bar/Bình		Bình	1	
56	Khí Argon	Độ tinh khiết 99,9%, Bình 150 bar/Bình	Bình 40L	Bình	10	
57	Khí Argon	Độ tinh khiết 99,999%, Bình 150 bar/Bình	Bình 40L	Bình	25	
58	Cột làm giàu mẫu anion Dionex T™ IonPac™ UTAC-2 Series Ultratrace(UTAC-LP2)	UTAC-LP2 (số catalog: 079917, đường kính 4mm, dài 35mm). vật tư tiêu hao thiết bị sắc ký ion, model:ICS -5000+ EG	1 cái/hộp	Hộp	1	
59	Bình lấy mẫu (Bình thủy tinh tối màu có nắp lót PTFE) nắp vận	Bình thủy tinh tối màu có nắp lót PTFE, thể tích 250 mL	Bình	Bình	50	

PHỤ LỤC II

Mẫu báo giá

(Kèm theo công văn ngày 17/6/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Khoa Hóa sinh - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá trang thiết bị như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn trang thiết bị.

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
...						
<u>Tổng cộng:</u>						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]. Giá trên đã bao gồm thuế và chi phí liên quan (nếu có)

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.